TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/DS - PT
Ngày 29 - 3 - 2023
"V/v Buộc thực hiện một công việc nhất định và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thúy Mai
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền
Ông Nguyễn Xuân Trọng

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Đường Thái Sơn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc "Buộc thực hiện công việc nhất định và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DSST ngày 17/7/2022 của TAND huyện Vĩnh Tường bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phùng Văn Đ, sinh năm 1955
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.
Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ:
+ Anh Phùng Văn L, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);.
+ Anh Phùng Đức H, sinh năm 1982;
Địa chỉ: tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt); .

2. Bị đơn: Công ty T. Địa chỉ: Đường tỉnh lộ 304, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Quang H1- Tổng giám đốc (theo Quyết định số 05/QĐ-HĐQT ngày 17/3/2022)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Quang H2- Trưởng ban bồi thường- giải phóng mặt bằng- Công ty T (Văn bản ủy quyền số 121/GUQ-TL ngày 27/6/2022), (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến; địa chỉ: Xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T- Chủ tịch, (vắng mặt).

+ Công ty C. Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kiều Quang P- Giám đốc Công ty

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Kiều Quang T1, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

+ Anh Phùng Đức H, sinh năm 1982; địa chỉ: tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

+ Anh Phùng Văn L, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

+ Chị Phùng Thị T2, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Phùng Thị Đ1: Anh Ngô Quang T3 (con trai bà Đ1), sinh năm 1991. Hiện đang được nuôi dưỡng tại: Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Vĩnh Phúc;

Người đại diện hợp pháp của anh T3: Ông Phùng Văn Đ, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt);

+ Bà Phùng Thị V1, sinh năm 1962,;

+ Bà Phùng Thị H1, sinh năm 1962;

+ Ông Phùng Văn P1, sinh năm 1965;

+ Ông Phùng Văn C, sinh năm 1972;

+ Ông Phùng Văn T4, sinh năm 1972;

+ Ông Phùng Văn T5, sinh năm 1976;

Đều ở địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T2, bà V, ông Đ (với tư cách là người giám hộ cho anh T3), bà V1, bà H1, ông P1, ông T4, ông C, ông T5: Anh Phùng Văn L, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn Ông Phùng Văn Đ và bị đơn Công ty T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 6 năm 2020 của nguyên đơn Ông Phùng Văn Đ và lời khai tiếp theo người đại diện theo ủy quyền của ông Đ là anh Phùng Văn L, anh Phùng Đức H (anh L, anh H đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án) trình bày:

Gia đình Ông Phùng Văn Đ được Nhà nước giao quyền sử dụng đất nông nghiệp tại xứ đồng S thuộc xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, diện tích sử dụng 1019,6 m^2 (theo hiện trạng sử dụng diện tích đất tại tờ bản đồ DC7, số thửa 444, 454). Nhưng hiện nay Công ty T (viết tắt là Công ty T) cố tình lấn chiếm, hủy hoại đất và san lấp vào phần diện tích đất nói trên; tự ý tạo vành đai bên ngoài (bằng đường hào rộng 2-3m) khiến gia đình ông không thể đi vào để tiếp tục canh tác, sản xuất phát triển kinh tế trên hai thửa đất đó.

- Tháng 5/2018, khi gia đình ông phát hiện có doanh nghiệp lấn chiếm tự ý đổ đất (san lấp) vào phần ruộng mà gia đình hàng năm vẫn phát triển sản xuất trồng bí đỏ, ngô, lúa; gia đình ông có xuống Uỷ ban nhân dân xã Tân Tiến trình báo và được chính quyền địa phương can thiệp sau đó doanh nghiệp tạm dừng và không tiếp tục thực hiện việc san lấp; gia đình ông Đ đã đóng cọc xung quanh và dùng dây quây lại thửa ruộng đó để tiếp tục canh tác.

- Ngày 02/7/2019, khi gia đình ông xuống thăm ruộng thì phần diện tích 1019,6m^2 đất này của gia đình ông đã bị lấn chiếm và san lấp hoàn toàn không còn nhận ra được nữa, đồng thời ngăn cách bởi đường hào bên ngoài rộng 2-3m không đi vào bên trong thửa đất được.

- Ngày 18/7/2019, gia đình ông có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến xác minh, giải quyết; ngày 06/8/2019 gia đình ông được Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến mời xuống làm việc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến có nói trong tháng 8/2019 sẽ giải quyết gọn cho gia đình ông nhưng việc giải quyết như thế nào gia đình không hay biết.

- Ngày 20/9/2019, ông có đơn đề nghị lên Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Tường và Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, ngày 08/10/2019 gia đình ông được Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến mời lên làm việc. Trong buổi làm việc đại diện Công ty T nhận trách nhiệm việc sai phạm của mình và có hẹn trước ngày 25/10/2019 sẽ khắc phục hoàn trả mặt bằng;

- Ngày 30/5/2020, tại UBND xã Tân Tiến tổ chức buổi hòa giải Gia đình ông đề nghị Công ty T: Trả lại hiện trạng đất (đất màu) như ban đầu để gia đình canh tác được; Lấp đường hào bên ngoài để gia đình ông đi lại vào bên trong phần ruộng của gia đình để canh tác; Đền bù thiệt hại trong thời gian gia đình không canh tác được từ tháng 5/2018 đến nay. Thời gian khắc phục và bồi thường thiệt hại xong trước ngày 10/6/2020.

Hiện nay phần diện tích đất nói trên của gia đình ông là một cái hố sâu, 3 bên là bờ đất cao khoảng hơn 3m, 1 bên có đường hào rộng khoảng 2-3m không có lối vào; gia đình ông không thể tiếp tục sản xuất phát triển kinh tế trên hai thửa ruộng đó.

Ông Phùng Văn Đ khởi kiện yêu cầu giải quyết các vấn đề sau:

+ Đề nghị Công ty T san lấp, trả lại hiện trạng đất như ban đầu (bằng mặt nền xung quanh hoặc bằng với thửa đất phía bên kia đường hào); đổ đất màu; lấp đường hào tạo lối đi vào để gia đình ông tiếp tục canh tác trên diện tích đất đó.

+ Bồi thường thiệt hại trong thời gian gia đình ông không canh tác được từ tháng 5/2018 đến nay (07/2022- 50 tháng), số tiền là 127.800.000đ, cụ thể: Mỗi năm 02 vụ lúa, 01 vụ xen canh trồng ngô, đỗ, bí. Mỗi vụ lúa đạt năng suất 250kg/1 sào. Từ tháng 5/2018 đến nay (50 tháng) đạt 7.500kg lúa, giá lúa trung bình từ tháng 5/2018 đến nay là 12.000đ/1 kg. Vụ màu thu hoạch bình quân 450kg/1 sào, một năm trồng 03 sào. Năng suất trung bình trong 04 năm là 5.400kg ngô, giá ngô 7.000đ/1kg. Tổng cả lúa và ngô là 90.000.000đ + 37.800.000đ = 127.800.000đ.

+ Bồi thường chi phí trong quá trình đi lại mất ngày công lao động, phô tô, in ấn tài liệu để khiếu nại, khiếu kiện từ tháng 5/2018 đến nay (7/2022- 50 tháng) với số tiền là: 80.000.000đ.

+ Bồi thường thiệt hại tinh thần trong suốt thời gian từ năm 2018 đến nay số tiền bằng 36 tháng lương cơ bản là 53.640.000đ.

Bị đơn - Công ty T đại diện - ông Đào Quang H2 trình bày: Công ty T được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giao làm chủ đầu tư Dự án Chợ đầu mối nông sản thực phẩm, hệ thống kho vận và khu đô thị thương mại Vĩnh Tường tại các xã Tân Tiến, Lũng Hòa, Yên Lập thuộc huyện Vĩnh Tường, trên cơ sở căn cứ pháp lý quy định của nhà nước.

Đối với các yêu cầu trong Đơn khởi kiện của ông Đ: Phía công ty đã san lấp trả lại hiện trạng như ban đầu diện tích nhà ông Đ đối với các thửa đất 444, 454 có diện tích 491,6 m^2 và 528,5 m^2 (tổng là 1019,6 m^2) thuộc xứ đồng S, xã Tân Tiến.

Ông Đ yêu cầu Công ty lấp đường hào bên ngoài để gia đình đi lại canh tác như ban đầu là không có căn cứ vì diện tích trên là đường mương nước chung chạy từ phía xã Lũng Hòa xuống địa phận xã Tân Tiến, là kênh tưới tiêu và thoát nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến, không thuộc thẩm quyền quản lý của nhà đầu tư.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại thời gian gia đình ông Đ không canh tác được từ tháng 5/2018 đến nay 10/2021 (41 tháng) là 100.350.000đ; bồi thường chi phí đi lại tố cáo, khiếu kiện khoảng 30.000.000đ; bồi thường chi phí thiệt hại tinh thần số tiền bằng 36 tháng lương cơ bản là 53.640.000đ; phía Công ty T không đồng ý vì không có cơ sở pháp lý. Công ty T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H2 xác định: Công ty C. Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đã ký Hợp đồng đấu thầu các hạng mục như đổ đất, san lấp mặt bằng...với Công ty T. Việc đổ đất san lấp mặt bằng nhầm vào hai thửa đất của gia đình ông Đ là thuộc về Công ty C. Ông H2 đề nghị Tòa án đưa Công ty C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án để xem xét trách nhiệm và lỗi của Công ty C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- Công ty C- đại diện anh Kiều Quang T1 vắng mặt nhưng trước đó đã trình bày: Công ty C hoạt động trong lĩnh vực xây dựng dân dụng, đổ đất, san nền, làm đường điện các công trình thủy lợi...

Năm 2015, Công ty C có ký Hợp đồng thi công, xây lắp với Công ty T theo Hợp đồng số: 04/2019/HĐXL ngày 17/6/2019 hạng mục là san nền các lô 01, 02, 06, 07, 08, 13, 14, 19, 20, cây xanh, nghĩa trang và giao thông - nền đường (các tuyến 34A, 39, 41, 42, 47, 49) và Hợp đồng thi công số 02/2019/HĐXL ngày 08/3/2019 hạng mục san nền các lô 17,18, 19, 22, 23, 24, 25, 26, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39 CX1, CX2 và giao thông – nền đường các tuyến (30, 32, 33, 34A, 35, 36, 37, 38, 39, 41, 42, 43, 44 từ cọc N164 đến cọc 23A),

49, 50, 51 52, 66 (từ cọc N165 đến cọc N185), 74 (từ cọc N129 đến cọc 9), 75 (từ cọc N130 đến cọc 9), 76 (từ cọc N176 đến cọc 9).

Theo đó, chủ đầu tư là Công ty T còn nhà thầu là Công ty C. Khoảng tháng 7/2019, Công ty C tiến hành thi công, san lấp mặt bằng đối với các lô đất đã ký với Công ty T. Quá trình thi công, đổ đất, do bị nhầm lẫn là các lô đất đã được đền bù hết rồi nên Công ty C đổ đất san nền nhầm vào 02 lô đất số 444 và 454 của gia đình Ông Phùng Văn Đ. Khi Công ty C ký hợp đồng thi công xây dựng với Công ty T liên quan đến san nền các lô đất theo Hợp đồng số: 04/2019/HĐXL ngày 17/6/2019 và Hợp đồng thi công số 02/2019/HĐXL ngày 08/3/2019 thì Công ty T có bàn giao số diện tích cần thi công, san nền và vị trí các hộ chưa nhận tiền đền bù. Tuy nhiên, quá trình đổ đất, san nền, bộ phận kỹ thuật bị nhầm lẫn và đã đổ nhầm vào hai thửa đất số 444, 454 của gia đình ông Đ.

Thời điểm đổ đất, san nền thì các hộ dân không ai ra công trường. Sau khi đổ đất, san nền xong thì mới có gia đình ông Đ ra có ý kiến. Phía Công ty T yêu cầu Công ty C múc đất trả lại hiện trạng 02 thửa đất số 444 và 454 cho gia đình ông Đ. Sau đó, khoảng hơn một tháng phía Công ty C đã tiến hành múc đất trả lại hiện trạng cho gia đình ông Đ. Khi Công ty C múc đất trả lại hiện trạng cho gia đình ông Đ thì phía gia đình ông Đ không ai ra chứng kiến việc múc đổ đất khôi phục hiện trạng thửa đất số 444 và 454 cho gia đình ông. Về phía Công ty T có ra chỉ vị trí đất của gia đình ông Đ để Công ty C tiến hành múc trả hiện trạng. Công ty T chỉ vị trí hiện trạng thửa đất trên thực tế, không có căn cứ trên sơ đồ thửa đất của gia đình ông Đ. Phía đại diện chính quyền địa phương Uỷ ban nhân dân xã Tân Tiến cũng không ai ra chứng kiến việc múc đất trả lại hiện trạng cho gia đình ông Đ. Nay Ông Phùng Văn Đ khởi kiện yêu cầu: Công ty T trả lại hiện trạng thửa đất cho gia đình có diện tích 1.019,6m2 mà Công ty đã lấn chiếm từ tháng 5/2018; lấp đường hào bên ngoài để gia đình đi lại canh tác như lúc ban đầu; bồi thường thiệt hại trong thời gian gia đình không canh tác được từ tháng 5/2018 đến tháng 8/2021 là 41 tháng với số tiền là 61.050.000đồng, bồi thường chi phí trong quá trình đi lại, in ấn tài liệu từ tháng 5/2018 đến tháng 8/2021 là 30.000.000đồng; bồi thường thiệt hại tinh thần đối với bản thân ông Đ và gia đình ông là 53.640.000đồng.

Quan điểm của Công ty C: Công ty C xác định lỗi đổ đất, san nền đất nhầm là thuộc về Công ty C. Công ty T chỉ là chủ đầu tư, không có lỗi trong việc đổ đất, san nền nhầm vào hai thửa đất số 444 và 454 của gia đình ông Đ. Do vậy, Công ty C hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đến ngày hôm nay, Công ty C mới biết và tham gia tố tụng. Tuy nhiên, Công ty C không ý kiến gì và nhất trí với việc Tòa án tiến hành thu thập các tài liệu, chứng cứ như xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như quá trình làm việc tại Tòa án, chính quyền địa phương, các ban ngành và không có ý kiến gì thêm đối với việc giải quyết vụ án. Công ty C cũng đã được tiếp cận toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phùng Đức H nhất trí với quan điểm của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn- anh L, không có ý kiến gì khác.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà V, chị T2, bà V1, bà H1, ông P1, ông T4, ông C, ông T5 đều ủy quyền cho anh Phùng Văn L: Anh L giữ nguyên quan điểm trình bày ở trên không có thay đổi gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến- đại diện là ông Nguyễn Văn Trung trình bày: Đối với phần mương thoát nước-đường hào ông Đ đề nghị Công ty T lấp trả để có đường vào ruộng canh tác là phù hợp do quá trình thi công san lấp mặt bằng dự án tạo ra, năm 2018 UBND xã có đề nghị đơn vị thi công để lại phần diện tích trên (tức là không đổ đất đỏ hết phần đất của các hộ gia đình, có chừa lại một phần diện tích, do vậy tạo thành đường hào) để tiện cho việc tiêu thoát nước cho nghĩa trang nhân dân thôn Thượng Lạp. Đồng thời quá trình giải quyết đơn thư theo thẩm quyền, ngày 12/10/2020 UBND xã mời ông Đ và đại diện Công ty giải quyết việc tranh chấp nội dung như trên, đã có biên bản làm việc và có sự thống nhất của các bên. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung như trong đơn khởi kiện, quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DSST ngày 17/7/2022 của TAND huyện Vĩnh Tường đã quyết định: Căn cứ Điều 26; 35; 39; 147; 157; 227; 228; 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 170; 275; 281; 358; 584; 585; 589 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Phùng Văn Đ:

- Buộc Công ty T khắc phục múc đất, trả lại hiện trạng đất cho gia đình ông Đ đối với phần diện tích chưa khắc phục của thửa 454 là 447,5m^2 (có các cạnh như sau: A, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, A); thửa 444 là 349,8m^2 (có các cạnh như sau: B, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 5, 4, 3, A, B). Tổng hai thửa là: 797.3m^2. Khối lượng đất cần múc đi là 797.3m^2 x 1.05m = 837.165m^3, (có sơ đồ kèm theo).

- Buộc Công ty T phải bồi thường cho gia đình ông Đ số tiền: 45.882.000đ (là tiền được quy đổi từ số đất màu để gia đình ông Đ canh tác được).

- Buộc Công ty T phải bồi thường thiệt hại thời gian không canh tác được cho gia đình ông Đ từ tháng 5/2018 đến nay (07/2022) số tiền: 60.120.000đ (Sáu mươi triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng các khoản Công ty T phải bồi thường cho gia đình ông Đ là: 106.002.000đ (Một trăm linh sáu triệu không trăm linh hai nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc:

- Yêu cầu lấp đường hào tạo lối đi vào để gia đình ông tiếp tục canh tác trên 02 thửa đất 444, 454.

- Bồi thường chi phí trong quá trình đi lại, phô tô, in ấn tài liệu để khiếu nại, khiếu kiện từ tháng 5/2018 đến nay (7/2022- 50 tháng) số tiền: 80.000.000đ.

- Bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 53.640.000đ.

Ngày 01.8.2022 nguyên đơn kháng cáo nội dung không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm. Cụ thể:

- Đề nghị xác định lại quan hệ tranh chấp là *tranh chấp đất đai về đòi đất lấn chiếm* do có hành vi lấn, chiếm đất; hủy hoại đất; gây cản trở và gây thiệt hại cho người sử dụng đất.

- Đề nghị chấp nhận yêu cầu bồi thường về chi phí đi lại.

- Đề nghị xem xét 02 biên bản lấy lời khai của ông Đào Quang H2 và ông Nguyễn Văn Thịnh cùng 1 thư ký ghi chép nhưng hai loại chữ khác nhau là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Ngày 01.8.2022 bị đơn kháng cáo nội dung không nhất trí với bản án sơ thẩm. Cụ thể:

- Toàn bộ diện tích 1019,6m^2 của gia đình ông Đ công ty đã múc trả hiện trạng vào tháng 10/2019.

- Phần đất màu: Công ty TNHH xây dựng Thành Công đã múc trả các hộ gia đình.

- Phần hoa màu: Công ty chỉ nhất trí hỗ trợ từ tháng 6/2019 đến hết năm 2019. Từ năm 2020 do gia đình không canh tác nên Công ty không nhất trí hỗ trợ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn. Giữ nguyên bản án bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DSST ngày 17/7/2022 của TAND huyện Vĩnh Tường

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng của của nguyên đơn, bị đơn đều làm trong hạn luật định hợp lệ được chấp nhận.

Tại phiên tòa bị đơn là Công ty T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng:

-Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải san lấp, trả lại hiện trạng (đất màu) như ban đầu; đổ đất màu; lấp đường hào để có lối đi vào hai thửa đất; bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng các khoản như mất thu nhập trong thời gian không canh tác được; chi phí đi lại, khiếu kiện, tố cáo; tổn thất tinh thần do tài sản bị xâm phạm.

Khi thụ lý vụ án Tòa án huyện Vĩnh Tường xác định là tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm. Nhưng khi

khi xét xử lại xác định quan hệ tranh chấp là "tranh chấp về việc buộc thực hiện một công việc nhất định và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng". Xét thấy 02 thửa đất số 454 và số 444 vẫn thuộc quyền sử dụng của ông Đ và gia đình ông Đ đang quản lý, Công ty không lấn chiếm sử dụng. Tuy nhiên hai thửa đất trên đã bị biến dạng do chủ đầu tư công trình khi thi công đã múc nhầm tạo thành hố sâu nên gia đình ông Đ không sử dụng được. Phía công ty đã xác nhận việc đổ nhầm đất và hứa sẽ có trách nhiệm khôi phục tình trạng đất nhưng sau đó không T5 hiện vì vậy nguyên đơn khởi kiện.

Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/10/2021 xác định: phía Đông Bắc của thửa đất có một phần diện tích đất Công ty T đã múc trả mặt bằng nay tạo thành một vũng nước sâu. Một phần là diện tích đất Công ty chưa khắc phục múc đất trả lại mặt bằng.

Căn cứ các Điều 358; 584; 585; 589 Bộ luật dân sự Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "tranh chấp về việc buộc thực hiện một công việc nhất định và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng" là đúng.

-Về yêu cầu bồi thường về chi phí đi lại: Theo ông Đ thời gian đổ đất, san lấp mặt bằng là từ tháng 5/2018. Sau đó gia đình phát hiện Công ty T san gạt đất đã báo cáo lên UBND xã Tân Tiến và được UBND xã Tân Tiến can thiệp nên Công ty mới dừng việc san gạt, đổ đất lên hai thửa ruộng số 444, 454. Đến ngày 02/7/2019 thì gia đình ông Đ mới biết hai thửa đất 444, 454 đã bị san lấp hoàn toàn. Ngày 18/7/2019 gia đình ông Đ có đơn đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết, sau đó có đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Quá trình giải quyết vụ án ông Đ yêu cầu bồi thường các chi phí đi lại, in ấn, phô tô tài liệu, bồi thường chi phí mất ngày công lao động, các thành viên trong gia đình phải nghỉ việc để đi khiếu nại, khiếu kiện nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì nên không có căn cứ chấp nhận.

- Đối với biên bản lấy lời khai của ông Đào Quang H2 (Biên bản lấy lời khai ngày 11/11/2021) và biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Văn Thịnh (Biên bản lấy lời khai 11/11/2021) cùng một thư ký ghi chép nhưng hai loại chữ khác nhau là vì một biên bản do Thẩm phán trực tiếp lấy lời khai không có Thư ký tại thời điểm lấy lời khai nhưng sau khi kết thúc việc lấy lời khai có mặt thư ký thì cả Thẩm phán và Thư ký đều ký vào biên bản. Như vậy thư ký không có mặt khi lấy lời khai nhưng ký vào biên bản là không đúng. Tuy nhiên nội dung Biên bản lấy lời khai không làm sai lệch hồ sơ vụ án, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự nên đây không phải là lỗi vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do vậy Thẩm phán cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm về việc tác nghiệp như trên.

Xét kháng cáo của bị đơn thấy rằng:

-Công ty T xác định toàn bộ diện tích 1019,6m^2 của gia đình ông Đ công ty đã múc trả hiện trạng vào tháng 10/2019 nhưng kết quả xác minh xem xét tại chỗ xác định: Thửa đất số 444 có diện tích 528,5m^2; thửa đất số 454 có diện tích 491,1m^2. Tổng cả hai thửa đất có diện tích là 1019,6m^2. Do xác định sai vị trí thửa đất nên Công ty đã múc một phần đất có diện tích là 222, 3m^2 (trong đó

thửa đất số 454 Công ty mới múc một phần đất có diện tích 43,6m^2; thửa đất số 444, Công ty mới múc một phần đất có diện tích 178,7m^2). Phần diện tích đất chưa múc là 797,3m^2 (trong đó thửa 444 diện tích đất chưa múc là 349,8m^2; thửa 454 diện tích đất chưa múc là 447,5m^2).

Gia đình ông Đ thừa nhận việc Công ty T đã khắc phục được một phần diện tích của hai thửa đất 444, 454 nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của ông Đ về việc buộc Công ty T phải thực hiện việc khôi phục, múc đất để trả lại hiện trạng như ban đầu cho gia đình ông Đ đối với phần diện tích chưa khắc phục thửa 444 là 349,8m^2; thửa 454 là 447,5m^2, tổng hai thửa là 797.3m^2; khối lượng đất cần múc đi là 797.3m^2 x 1.05m = 837.165m^3 là phù hợp.

-Đối với phần đất màu Công ty cho rằng Công ty TNHH xây dựng Thành Công đã múc trả các hộ gia đình. Tuy nhiên theo hiện trạng sử dụng ban đầu khi chưa san lấp thì khu vực thửa đất 454, 444 với thửa số 395, 396, 397 là ruộng bậc thang, ruộng trên cao hơn ruộng dưới.

Tại Biên bản xem xét tại chỗ ngày 25/10/2021 xác định phía Đông Bắc của thửa đất có một phần diện tích đất Công ty T đã múc trả mặt bằng nay tạo thành một vũng nước sâu. Một phần là diện tích đất Công ty chưa khắc phục múc đất trả lại mặt bằng.

Phía Công ty T cho rằng khi Công ty múc đất để trả lại hiện trạng không tác động đến lớp đất màu, tuy nhiên có thể thấy việc Công ty san lấp mặt bằng cũng như khắc phục múc một phần diện tích đất để trả lại hiện trạng từ năm 2018 đến nay thực tế gia đình ông Đ vẫn không thể canh tác được do tác động của việc san lấp mặt bằng cũng như múc bỏ đất thì mặt bằng của hai thửa 444, 454 cũng không còn được như ban đầu.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định khối lượng đất màu đổ vào hai thửa đất 444, 454 và quy đổi ra thành tiền để buộc Công ty T bồi thường cho gia đình ông Đ với độ dày 30cm quy đổi ra thành tiền, tương đương 1019,6m^2 x 30 cm (0,3m) x 150.000đ/1m^3 = 45.882.000đ là có căn cứ.

-Đối với phần hoa màu: Công ty chỉ nhất trí hỗ trợ từ tháng 6/2019 đến hết năm 2019 nhưng thực tế mặc dù Công ty T đã múc đất trả lại hiện trạng cho gia đình ông Đ, nhưng thực tế phần diện tích đất mà Công ty T múc đất đi để trả lại mặt bằng cho gia đình ông Đ ở hai thửa tổng là 222,3m^2 và hiện trạng đang là hố nước sâu. Diện tích còn lại chưa khắc phục đối với hai thửa là 797,3m^2.

Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ thể hiện: Hai thửa đất số 444, 454 của gia đình ông Đ là vùng đất trũng, mỗi năm chỉ trồng được 02 vụ lúa. Từ năm 2018 đến khi xét xử là 09 vụ lúa, trong đó có 04 vụ chiêm và 05 vụ mùa. Giá lúa thị trường từ năm 2018 đến khi xét xử trung bình là 12.000đ/1kg. Đối với 02 thửa ruộng này ở địa phương canh tác thường sẽ đạt vụ lúa chiêm khoảng 230kg/sào, vụ mùa khoảng 150kg/sào. Gia đình ông Đ không canh tác được trên hai thửa ruộng đó từ tháng 5/2018 đến tháng 7/2022 (50 tháng).

Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc Công ty T phải bồi thường: Vụ lúa chiêm 04 vụ x 03 sào = 12 sào x 230kg/1 sào = 2.760kg x 12.000đ/1 kg = 33.120.000đ; Vụ lúa mùa là 05 vụ x 3 sào = 15 sào trồng lúa mùa x 150kg/1 sào

= 2.250kg lúa mùa x với giá mỗi kg lúa hiện nay là 12.000đ = 27.000.000đ. Tổng cả vụ lúa chiêm và vụ lúa mùa là 33.120.000đ + 27.000.000đ = 60.120.000đ là có cơ sở.

Kiến nghị xem xét trách nhiệm của người có thẩm quyền thuộc Công ty T trong sự việc này do làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc sử dụng đất của nguyên đơn. Trường hợp Công ty T không tự nguyện thi hành án là múc đất trả lại hiện trạng đất cho gia đình ông Đ đối với phần diện tích chưa khắc phục và thanh toán tiền cho ông Đ thì sẽ bị cưỡng chế theo quy định của pháp luật, chi phí cưỡng chế do bị đơn phải chịu.

Như vậy kháng cáo của các đương sự là không có cơ sở nên không được chấp nhận cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Đ chỉ được chấp nhận một phần, kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận và án phí dân sự phúc thẩm nhưng ông Đ là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí;

Công ty T phải chịu 5.300.000đ án phí giá ngạch và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

- Về chi phí tố tụng: Công ty T phải hoàn trả cho ông Đ số tiền 3.350.000đ (chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh là có cơ sở cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn. Giữ nguyên bản án bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DSST ngày 17/7/2022 của TAND huyện Vĩnh Tường.

1.Căn cứ các Điều 170; 275; 281; 358; 584; 585; 589 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Phùng Văn Đ:

+ Buộc Công ty T khắc phục múc đất, trả lại hiện trạng đất cho gia đình ông Đ đối với phần diện tích chưa khắc phục của thửa 454 là 447,5m^2 (có các cạnh như sau: A, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, A); thửa 444 là 349,8m^2 (có các cạnh như sau: B, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 5, 4, 3, A, B). Tổng hai thửa là: 797.3m^2. Khối lượng đất cần múc đi là 797.3m^2 x 1.05m = 837.165m^3, (có sơ đồ kèm theo).

+ Buộc Công ty T phải bồi thường cho gia đình ông Đ số tiền: 45.882.000đ (là tiền được quy đổi từ số đất màu để gia đình ông Đ canh tác được).

+ Buộc Công ty T phải bồi thường thiệt hại thời gian không canh tác được cho gia đình ông Đ từ tháng 5/2018 đến nay (07/2022) số tiền: 60.120.000đ (Sáu mươi triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng các khoản Công ty T phải bồi thường cho gia đình ông Đ là: 106.002.000đ (Một trăm linh sáu triệu không trăm linh hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty T không thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm trả cho đến khi thanh toán xong.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc:

+ Yêu cầu lấp đường hào tạo lối đi vào để gia đình ông tiếp tục canh tác trên 02 thửa đất 444, 454.

+ Bồi thường chi phí trong quá trình đi lại, phô tô, in ấn tài liệu để khiếu nại, khiếu kiện từ tháng 5/2018 đến nay (7/2022- 50 tháng) số tiền: 80.000.000đ.

+ Bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 53.640.000đ.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc Công ty T phải chịu chi phí tố tụng nên Công ty T phải hoàn trả cho Ông Phùng Văn Đ số tiền 3.350.000đ (Ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn tiền án phí cho Ông Phùng Văn Đ.

- Công ty T phải chịu 5.300.000đ (Năm triệu ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo Biên lai số 0005594 ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Công ty T còn phải nộp 5.300.000đ (Năm triệu ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- *VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *TAND huyện Vĩnh Tường;*
- *Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Thuý Mai